

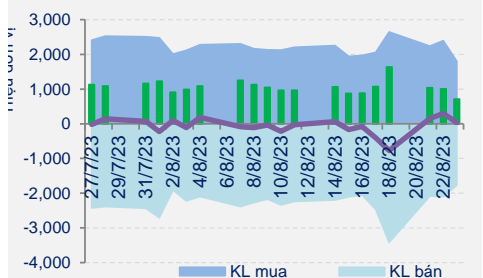
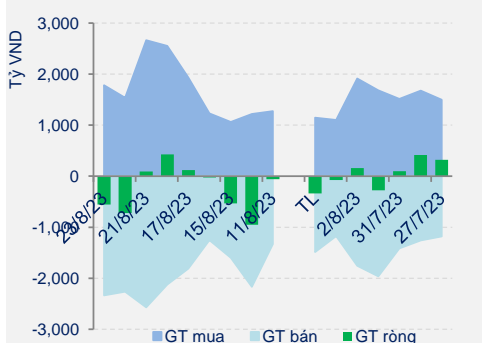
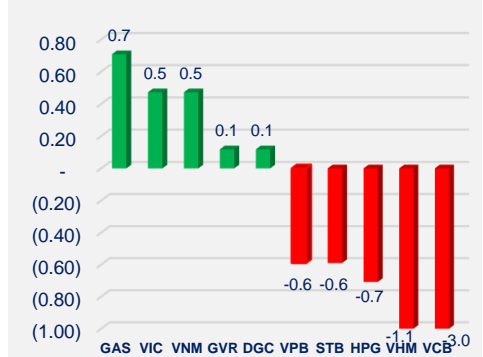
MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **23/8/2023**

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,172.56	238.07
% Thay đổi	↓ -0.67%	↓ -0.66%
KLGD (CP)	714,180,220	71,543,542
GTGD (tỷ đồng)	17,120.47	1,275.42
Tổng cung (CP)	1,769,094,975	139,498,900
Tổng cầu (CP)	1,804,177,142	108,285,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	68,945,454	903,639
KL mua (CP)	45,585,879	978,093
GT mua (tỷ đồng)	1,783.41	28.49
GT bán (tỷ đồng)	2,338.55	23.25
GT ròng (tỷ đồng)	(555.13)	5.24

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Với tâm lý phục hồi cuối phiên trước và ảnh hưởng tích cực của cổ phiếu VIC, thị trường đầu phiên giao dịch phục hồi mạnh lên lại vùng 1.190 điểm -1.200 điểm với thanh khoản suy giảm khá mạnh. Sau đó áp lực bán gia tăng trở lại với áp lực bán mạnh hơn ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VN30. Kết phiên VN-INDEX giảm 7,93 điểm (-0,67%) về mức 1.172,56 điểm và kiểm tra lại vùng giá thấp nhất ngày 21/08/2023 tương ứng quanh 1.165 điểm. HNX-INDEX giảm 1,58 điểm (-0,66%) về 238,07 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm tiếp tục nghiêng về tiêu cực khi mức độ phục hồi kém và áp lực bán vẫn gia tăng ở nhiều mã khi tổng cộng có 376 mã giảm giá (08 mã giảm sàn), 252 mã tăng giá (17 mã tăng trần), và 135 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 18.390,09 tỉ đồng được giao dịch, giảm mạnh 22,71% so với phiên trước, dưới mức trung bình của thị trường, khối lượng giao dịch của VN-INDEX thấp nhất từ 05/07/2023 trở lại đây. Cho thấy tâm lý thận trọng hơn và nhiều mã vẫn phục hồi kém với thanh khoản suy giảm. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng khá mạnh trên HOSE với giá trị 555,13 tỉ đồng, trong đó bán ròng mạnh ở nhóm cổ phiếu thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán, ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 5,24 tỷ đồng.

Với thông tin ngày 23/08/2023 Ngân hàng Nhà Nước tổ chức họp với các đơn vị liên quan để lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2023/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN thì nhóm cổ phiếu bất động sản sau nhiều phiên chịu áp lực điều chỉnh, bán mạnh đã phục hồi nhẹ trở lại trong đầu phiên, tuy nhiên áp lực bán vẫn gia tăng vào cuối phiên với đa số mã giảm điểm với thanh khoản giảm khá mạnh, dưới mức trung bình như SJS (-4,02%), CEO (-3,61%), ITC (-3,04%), L14 (-2,22%)... ngoài một số mã phục hồi tăng như TDH (+5,82%), PDR (+1,45%), NVL (+1,08%)....

Nhóm cổ phiếu ngân hàng dưới áp lực bán ròng mạnh nhưng phiên gần đây của khối ngoại, tiếp tục điều chỉnh, nhiều mã giảm khá mạnh với thanh khoản gia tăng kém tích cực như STB (-3,89%), VCB (-2,38%), HDB (-1,83%), VPB (-1,70%)... bên cạnh một số mã tăng giá nhẹ với NAB (+1,65%), TCB (+0,30%)...

Nhóm cổ phiếu thép HPG (-1,91%) tiếp tục điều chỉnh khi khối ngoại bán ròng đột biến trong 02 phiên gần đây, các mã còn lại cũng điều chỉnh như TVN (-2,82%), SMC (-0,88%), TLH (-0,74%), HSG (-0,54%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng phân hóa trước những thông tin về cuộc họp liên quan đến gói thầu 5.10 của dự án thành phần 3, dự án Sân bay Long thành với đa số mã phục hồi, thanh khoản suy giảm như HBC (+2,32%), VCG (+1,73%), PHC (+1,48%), PLC (+0,88%), CTD (+0,85%)... Các nhóm ngành khác cũng phân hóa, phục hồi kém đa phần còn lại vẫn chịu áp lực điều chỉnh sau với thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 giảm mạnh 15,4 điểm (-1,29%), chênh lệch âm trở lại -2,37 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm so với phiên trước, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên đã giảm trở lại sau phiên tăng đột biến trước. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch gia tăng lên từ -2,87 điểm đến -10,97 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng. Cho thấy các trader đang nghiêng về khả năng điều chỉnh trở lại, bi quan về xu hướng của VN30 trong ngắn hạn

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT


Sau 2 phiên nỗ lực phục hồi, phiên hôm nay thị trường tiếp tục giảm về cuối phiên khi lực cung tăng lên tuy nhiên Vn-Index vẫn đang nằm trên ngưỡng hỗ trợ mạnh 1.150 điểm. Mặc dù giảm điểm tuy nhiên thanh khoản giảm cũng là tín hiệu cho thấy áp lực cung giá thấp không quá mạnh trong khi lực cầu vẫn còn thận trọng. Vùng hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số là 1.150 điểm – 1.170 điểm, xa hơn là vùng đỉnh cũ tháng 1/2023 (1.120 điểm), kháng cự gần quanh vùng 1.200 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay thị trường lại giảm điểm khi lực cung tăng dần vào cuối phiên, chốt phiên VnIndex giảm 7,93 điểm (-0,67%) và đóng cửa ở 1.172,56 điểm. Trong ngắn hạn thị trường khả năng sẽ tiếp tục diễn ra các nhịp rung lắc, phục hồi để hình thành vùng tích lũy mới sau khi đã thất bại tại vùng 1.250 điểm. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ sớm tìm được khu vực cân bằng trước khi có những diễn biến tích cực hơn trong thời gian tới.

Xu hướng tăng điểm trung hạn của VN-Index vẫn được duy trì khi chỉ số vẫn đang nằm trên vùng 1.125 điểm - 1.150 điểm và khả năng thị trường có thể tích lũy lại tạo nền tảng mới để chuẩn bị cho nhịp tăng tiếp theo.

Trong ngắn hạn thị trường có thể tiếp tục rung lắc kiểm định lại vùng hỗ trợ trong vùng 1.150 điểm – 1.170 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng thấp và tiếp tục quan sát diễn biến thị trường. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng có thể giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh, mục tiêu trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

23/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
CTG	31.30	30-30.8	35-37	28	8.5	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân
IDC	44.90	43-45	55-57	41	11.3	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	35.00	32-34	43-44	30	6.0	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.55	13-14	16.5-17	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	26.50	23-25	30-31	22	5.4	-38.6%	-35.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	47.85	46-47.6	57-59	43	7.3	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
VIC	65.00	61-64	79-82	56	46.3	252.2%	-45.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	61.9	54.8	65-67	62	13.0%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	31.1	28.05	34-35	31	10.9%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	28.2	29.1	32-33	28	-3.1%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	73.5	72.95	87-89	72	0.8%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	31.3	30.6	35-37	31	2.3%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Thêm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

Luật Nhà ở hiện hành quy định 10 nhóm đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội. Tuy nhiên, dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi được Chính phủ trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp 5, và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 6, đã bổ sung thêm đối tượng hưởng là doanh nghiệp, hợp tác xã trong khu công nghiệp thuê nhà lưu trú công nhân...

Hai nhà ga sân bay hơn 45.000 tỷ đồng sẽ khởi công ngày 26/8

Nhà ga sân bay Long Thành và nhà ga T3 Tân Sơn Nhất tổng mức đầu tư hơn 45.000 tỷ đồng dự kiến được khởi công vào ngày 26/8. Thông tin được đại diện Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) - chủ đầu tư, cho biết ngày 23/8. Trong đó, nhà ga sân bay Long Thành có tổng vốn đầu tư 35.000 tỷ đồng. Công trình xây trên khu đất rộng 150 ha, thiết kế hai luồng đi và đến tách biệt, gồm một tầng trệt và 3 lầu, đỉnh mái cao gần 46 m, bố trí 40 vị trí đỗ máy bay.

Bốn ngân hàng lớn giảm mạnh lãi suất huy động, kỳ hạn 1 năm chỉ còn 5,8%/năm

Vietcombank, BIDV, VietinBank, Agribank vừa công bố biểu lãi suất huy động mới, áp dụng từ hôm nay. Theo đó, lãi suất huy động có kỳ hạn từ 1 tháng đến 9 tháng giảm 0,3%/năm và kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giảm 0,5%/năm. Tại BIDV, VietinBank và Vietcombank, lãi suất tiền gửi tại quầy kỳ hạn từ 1 tháng tới 9 tháng đều giảm 0,3%/năm. Lãi suất kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng còn 3-3,8%/năm. Bên cạnh đó, lãi suất kỳ hạn 6 tháng cũng giảm từ 5% xuống 4,7%/năm. Lãi suất kỳ hạn từ 12 tháng trở lên điều chỉnh mạnh từ 6,3% xuống còn 5,8%, tức giảm tới 0,5 điểm %.

Loạt tổ chức hạ triển vọng phục hồi kinh tế Trung Quốc, thị trường bất động sản là tâm điểm

Mấy tuần gần đây, các ngân hàng đầu tư gồm Morgan Stanley và JPMorgan đã đồng loạt cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc khi chứng kiến nhiều dấu hiệu cho thấy sự phục hồi ngày càng mất đà... Trung Quốc đã cắt giảm lãi suất cơ bản vào hôm thứ Hai tuần này, nhưng mức độ nới lỏng không lớn như kỳ vọng của thị trường. Điều này có thể được giải thích bằng việc các nhà hoạch định chính sách ở Bắc Kinh vừa phải bảo vệ lợi nhuận của các ngân hàng, vừa ứng phó với sự giảm tốc của nền kinh tế, đồng nội tệ mất giá, và cuộc khủng hoảng bất động sản leo thang.

Gấp rút giải ngân vốn đầu tư công

Áp lực giải ngân vốn đầu tư công trong các tháng còn lại của năm 2023 là rất lớn khi kế hoạch vốn cả năm trên 700.000 tỉ đồng. Trước tình trạng nhiều bộ, ngành, địa phương có tỉ lệ giải ngân rất thấp, nhiều khả năng không giải ngân được hết số vốn được giao từ đầu năm, Thủ tướng Chính phủ vừa có Công điện 749/CĐ-TTg yêu cầu đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023. Theo số liệu thống kê mới nhất của Bộ Tài chính, giải ngân vốn đầu tư công 7 tháng đầu năm 2023 đạt trên 267.625 tỉ đồng, bằng 37,85% kế hoạch năm, cao hơn cùng kỳ năm trước (34,47%).



TIN DOANH NGHIỆP

Kinh doanh thuận lợi, Chứng khoán VIX (VIX) muốn nâng kế hoạch lợi nhuận lên 920 tỷ đồng

CTCP Chứng khoán VIX (mã VIX - sàn HoSE) thông qua kế hoạch lấy ý kiến cổ đông và điều chỉnh nâng kế hoạch kinh doanh năm 2023. Cụ thể, Chứng khoán VIX dự kiến ngày 12/9 sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản, thời gian lấy ý kiến từ ngày 20/9 đến 16/10. Trong đó, Chứng khoán VIX trình cổ đông kế hoạch lợi nhuận sau thuế lên 920 tỷ đồng so với kế hoạch đầu năm là 540 tỷ đồng, tương ứng tăng thêm 70,4% so với kế hoạch đầu năm.

PNJ: Lũy kế 7 tháng ghi nhận 1.171 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ - HOSE) vừa công bố kết quả kinh doanh 7 tháng. Theo báo cáo tháng 7 của PNJ, đà giảm doanh thu so với cùng kỳ đã được thu hẹp và lợi nhuận sau thuế được cải thiện nhờ thực hiện tối ưu hóa vận hành. Cụ thể, PNJ đạt được doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế tháng 7 là 2.364 tỷ đồng (giảm 5,8% so với cùng kỳ) và 85 tỷ đồng (tăng 6,7% so với cùng kỳ).

HAG muốn chào bán 130 triệu cp riêng lẻ với giá 10,000 đồng/cp

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Cụ thể, HAG lên kế hoạch chào bán riêng lẻ 130 triệu cp cho dưới 100 nhà đầu tư với giá dự kiến 10,000 đồng/cp. Ngày chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến là 10/08/2023, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty trước 17 giờ ngày 22/09/2023.

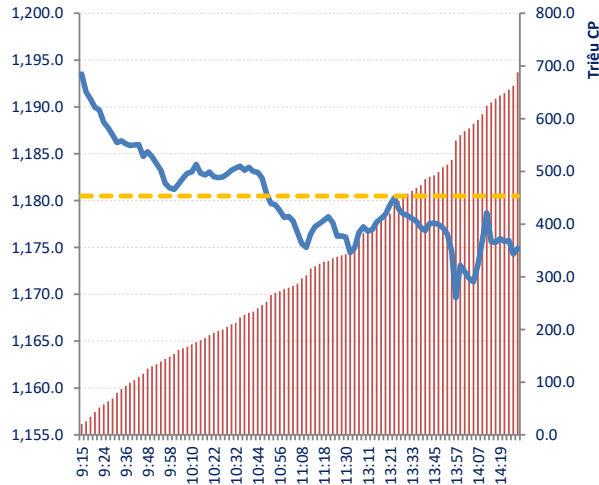
TNG báo lãi hơn 120 tỷ đồng trong 7 tháng, giảm 28%

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) vừa công bố BCTC riêng tháng 7/2023, ghi nhận lãi sau thuế giảm 41% so với cùng kỳ xuống còn 24 tỷ đồng. Lũy kế 7 tháng đầu năm, lãi sau thuế đạt hơn 120 tỷ đồng, giảm 28% và thực hiện được 40% kế hoạch năm. Tháng 7, TNG ghi nhận doanh thu thuần đạt gần 783 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do giá vốn tăng mạnh hơn khiến lãi gộp giảm 11% xuống còn 97 tỷ đồng. Biên lãi gộp vì vậy thu hẹp từ 14.2% xuống 12.4%.

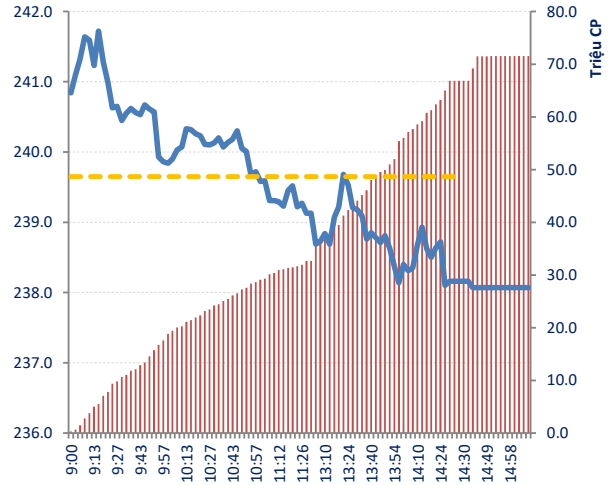


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

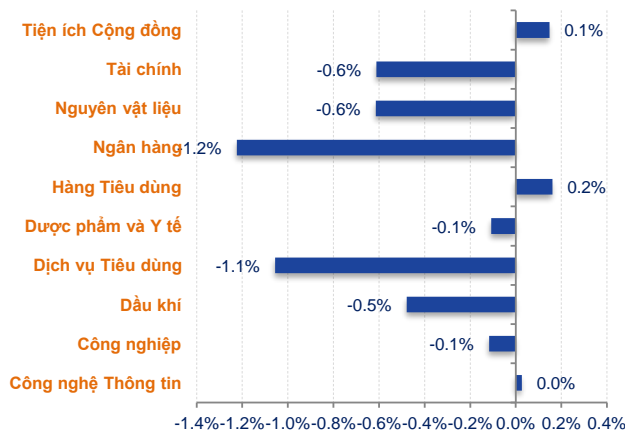
KLGD và VN-Index trong phiên



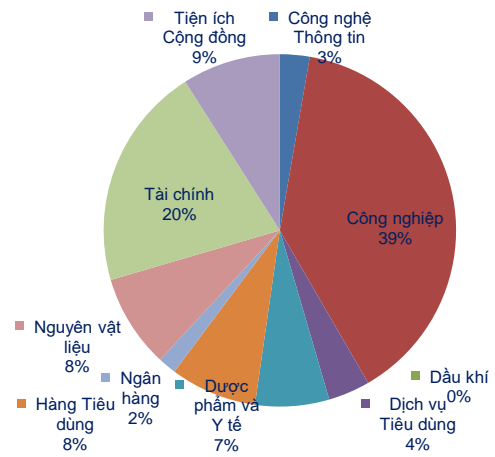
KLGD và HNX-Index trong phiên



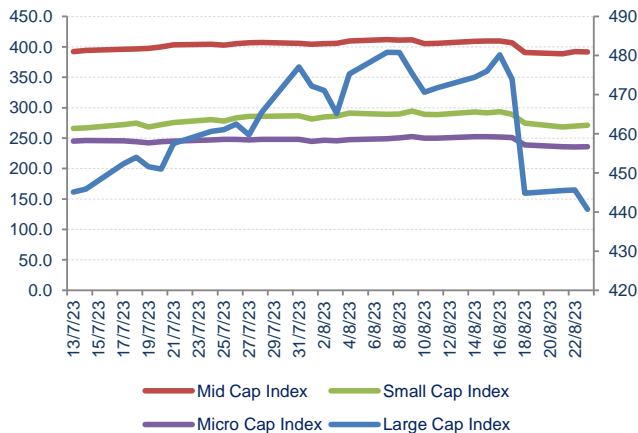
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



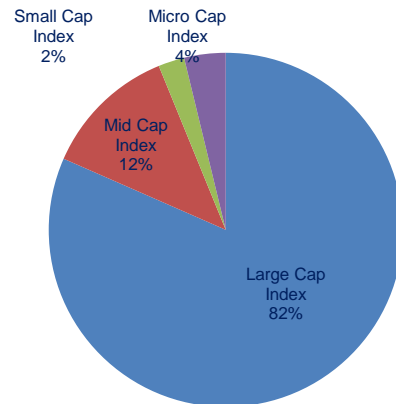
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE	HNX
------	-----

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TPB	1,268,700	HPG	8,430,954	1	CEO	192,163	SHS	112,700
2	PDR	1,157,000	VPB	5,611,400	2	VIG	65,600	NVB	102,000
3	NVL	886,171	VND	2,574,600	3	PVS	37,600	TNG	81,019
4	VNM	739,953	STB	2,380,216	4	PVI	32,500	IDJ	28,200
5	KBC	515,920	SSI	2,108,695	5	MBS	31,100	HCC	11,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	32.15	30.90	↓ -3.89%	39,433,934	SHS	16.40	16.00	↓ -2.44%	17,258,252
SSI	30.70	30.40	↓ -0.98%	35,829,705	CEO	24.90	24.00	↓ -3.61%	11,571,814
NVL	18.50	18.70	↑ 1.08%	29,604,600	PVS	33.00	32.70	↓ -0.91%	3,023,865
VIX	17.00	16.70	↓ -1.76%	26,066,706	APS	9.50	9.70	↑ 2.11%	2,486,405
VND	21.00	20.55	↓ -2.14%	22,115,400	IDC	45.40	44.90	↓ -1.10%	2,294,658

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CKG	26.60	28.45	1.85	↑ 6.95%	PIA	26.00	28.60	2.60	↑ 10.00%
TNT	5.37	5.74	0.37	↑ 6.89%	MCO	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
TNC	59.90	64.00	4.10	↑ 6.84%	MCF	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
SHA	4.84	5.17	0.33	↑ 6.82%	CAN	49.50	54.40	4.90	↑ 9.90%
MHC	10.30	11.00	0.70	↑ 6.80%	VMS	31.50	34.60	3.10	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	33.90	31.55	-2.35	↓ -6.93%	THS	16.20	14.60	-1.60	↓ -9.88%
PIT	10.25	9.54	-0.71	↓ -6.93%	THB	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
VAF	12.30	11.45	-0.85	↓ -6.91%	PHN	41.00	37.00	-4.00	↓ -9.76%
L10	23.95	22.30	-1.65	↓ -6.89%	VE8	5.20	4.70	-0.50	↓ -9.62%
CLW	30.70	28.60	-2.10	↓ -6.84%	TMX	11.00	10.00	-1.00	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	39,433,934	17.2%	3,601	8.9	1.5
SSI	35,829,705	7.3%	1,093	28.1	2.1
NVL	29,604,600	-0.2%	(48)	-	0.8
VIX	26,066,706	7.0%	839	20.3	1.3
VND	22,115,400	3.9%	467	45.0	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,258,252	4.3%	507	32.3	1.4
CEO	11,571,814	7.9%	1,041	23.9	2.0
PVS	3,023,865	7.2%	1,953	16.9	1.2
APS	2,486,405	-9.5%	(1,172)	-	0.8
IDC	2,294,658	20.7%	3,969	11.4	2.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CKG	↑ 7.0%	13.0%	1,648	16.1	1.9
TNT	↑ 6.9%	-1.5%	(165)	-	0.5
TNC	↑ 6.8%	8.2%	1,449	41.3	3.6
SHA	↑ 6.8%	3.9%	472	10.2	0.4
MHC	↑ 6.8%	9.6%	1,184	8.7	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIA	↑ 10.0%	21.0%	3,389	7.7	1.7
MCO	↑ 10.0%	0.4%	48	84.1	0.3
MCF	↑ 10.0%	9.1%	1,026	9.7	0.9
CAN	↑ 9.9%	8.2%	2,397	20.7	1.7
VMS	↑ 9.8%	7.8%	1,279	24.6	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	1,268,700	18.6%	2,686	6.9	1.3
PDR	1,157,000	8.2%	1,118	18.5	1.6
NVL	886,171	-0.2%	(48)	-	0.8
VNM	739,953	23.9%	3,937	18.5	4.1
KBC	515,920	17.8%	4,373	7.2	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	192,163	7.9%	1,041	23.9	2.0
VIG	65,600	6.9%	490	16.3	1.1
PVS	37,600	7.2%	1,953	16.9	1.2
PVI	32,500	0.5%	187	260.8	1.4
MBS	31,100	10.0%	1,037	17.5	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	494,076	23.0%	5,797	15.2	3.3
VIC	245,999	4.0%	1,405	45.9	1.8
VHM	241,667	29.1%	10,332	5.4	1.4
BID	231,680	19.0%	4,025	11.4	2.0
GAS	191,969	20.3%	6,680	15.0	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,773	7.2%	1,953	16.9	1.2
IDC	14,982	20.7%	3,969	11.4	2.4
THD	13,937	2.9%	458	79.0	2.3
SHS	13,336	4.3%	507	32.3	1.4
CEO	12,687	7.9%	1,041	23.9	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	5.45	-46.1%	(10,046)	-	0.5
QCG	4.87	-0.3%	(51)	-	0.7
EVG	4.08	1.3%	157	39.1	0.5
LGL	3.69	6.1%	792	6.6	0.4
LDG	3.50	-5.5%	(692)	-	0.4

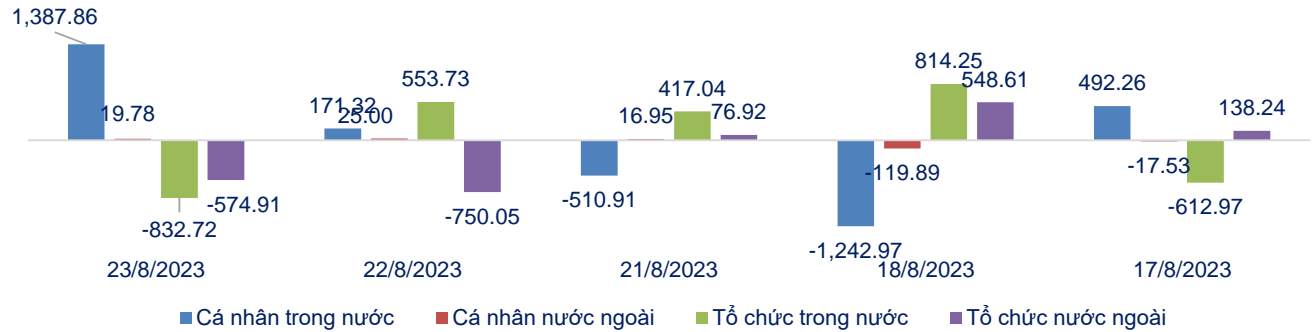
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.99	2.4%	265	100.2	2.5
FID	3.43	-0.4%	(39)	-	0.2
VC2	3.37	3.8%	554	23.5	0.9
LIG	3.33	0.1%	9	623.5	0.4
CMS	3.26	0.8%	102	108.8	0.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	242.45	-2.0%	(328)	-	1.6
VPB	170.11	11.1%	1,728	11.9	1.3
SSI	163.02	7.3%	1,093	28.1	2.1
PAC	150.67	13.3%	2,598	11.8	1.6
STB	146.78	17.2%	3,601	8.9	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-135.78	12.2%	1,726	13.6	1.6
DGC	-34.97	36.6%	10,780	6.6	2.3
VNM	-33.34	23.9%	3,937	18.5	4.1
PDR	-28.90	8.2%	1,118	18.5	1.6
GEX	-17.02	1.6%	385	55.6	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	8.98	4.0%	1,405	45.9	1.8
VPB	4.05	11.1%	1,728	11.9	1.3
CTG	3.15	15.8%	3,664	8.6	1.3
MSN	2.42	3.6%	920	84.5	3.0
NVL	1.76	-0.2%	(48)	-	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	-1.82	4.2%	603	21.2	0.9
TNH	-1.58	13.9%	2,048	11.6	1.5
PDR	-1.56	8.2%	1,118	18.5	1.6
DGC	-1.53	36.6%	10,780	6.6	2.3
HTN	-0.99	-0.7%	(111)	-	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	132.79	12.2%	1,726	13.6	1.6
VND	17.35	3.9%	467	45.0	1.7
HCM	6.56	7.2%	1,250	23.4	1.7
DGC	6.45	36.6%	10,780	6.6	2.3
GEX	6.40	1.6%	385	55.6	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAC	-150.68	13.3%	2,598	11.8	1.6
VIC	-139.99	4.0%	1,405	45.9	1.8
SSI	-98.47	7.3%	1,093	28.1	2.1
FPT	-97.30	22.1%	4,596	18.8	3.8
STB	-72.39	17.2%	3,601	8.9	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	54.74	23.9%	3,937	18.5	4.1
DGC	30.06	36.6%	10,780	6.6	2.3
PDR	25.85	8.2%	1,118	18.5	1.6
TPB	23.77	18.6%	2,686	6.9	1.3
VIC	22.92	4.0%	1,405	45.9	1.8

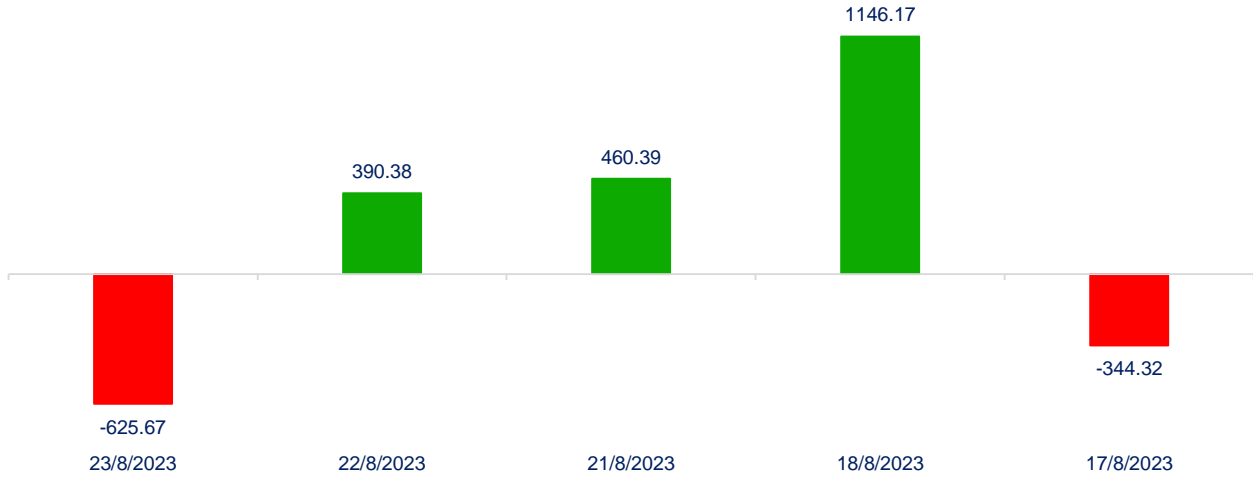
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-218.30	-2.0%	(328)	-	1.6
VPB	-118.63	11.1%	1,728	11.9	1.3
STB	-74.85	17.2%	3,601	8.9	1.5
SSI	-65.56	7.3%	1,093	28.1	2.1
VND	-55.20	3.9%	467	45.0	1.7

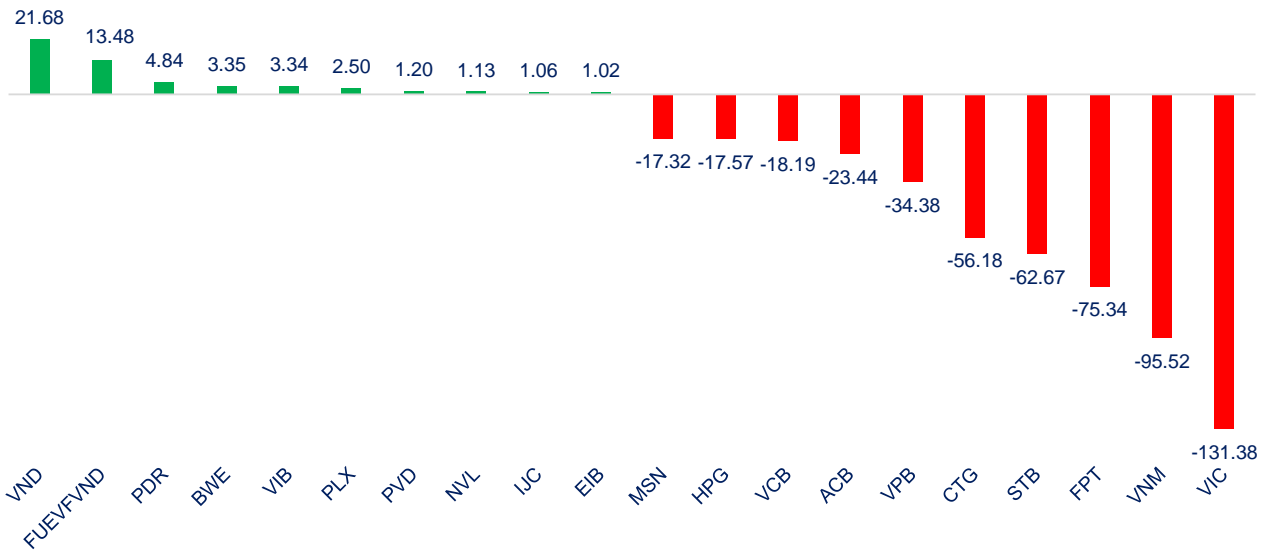


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn